

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(đã được soát xét)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31
Phụ lục 1 : Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	32-33
Phụ lục 2 : Thông tin về các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn	34



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Lê Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Đoàn Mạnh Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Phạm Thế Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên	
Ông Lâm Mai Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Trần Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/05/2016
Ông Đoàn Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Mạnh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Lâm Mai Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2016
Ông Nguyễn Thiện Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2016

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THIỆP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 07 năm 2016

Số: 1628/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 10 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2016 nợ ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 407,086 tỷ đồng, điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục theo các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc ✓

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2016*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>80.181.160.540</b>	<b>91.684.794.124</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.961.138.029	2.850.406.333
111	1. Tiền		4.961.138.029	2.850.406.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.819.931.545	54.382.429.836
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	194.280.953	21.323.017.918
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	21.581.424.800	37.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	33.238.506.745	33.215.768.071
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(194.280.953)	(194.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	17.224.618.589	32.678.226.740
141	1. Hàng tồn kho		17.425.299.365	35.782.532.180
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(200.680.776)	(3.104.305.440)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.175.472.377	1.773.731.215
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.175.313.285	1.773.572.123
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		159.092	159.092
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.111.682.598.950</b>	<b>1.143.663.890.049</b>
220	II. Tài sản cố định		1.092.764.672.690	1.121.361.333.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.092.581.818.193	1.121.158.886.960
222	- Nguyên giá		1.222.093.140.524	1.222.179.140.524
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(129.511.322.331)	(101.020.253.564)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	182.854.497	202.446.048
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.145.503)	(43.553.952)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.917.926.260	22.302.557.041
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.917.926.260	22.302.557.041
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.191.863.759.490</b>	<b>1.235.348.684.173</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

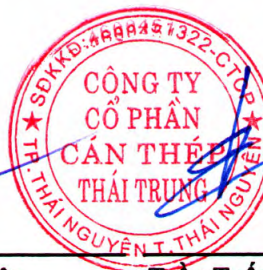
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.016.491.083.984</b>	<b>1.072.336.696.223</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>487.267.796.927</b>	<b>541.947.278.844</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.446.861.967	34.576.825.470
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	69.618.335.613	2.935.250.994
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	948.311.057	1.364.837.172
314	4. Phải trả người lao động		2.230.710.525	2.819.338.157
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.460.464.480	2.831.791.501
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	208.479.597.187	228.478.936.334
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	182.078.701.098	268.936.174.216
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.815.000	4.125.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>529.223.287.057</b>	<b>530.389.417.379</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	1.166.130.322
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	529.223.287.057	529.223.287.057
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>175.372.675.506</b>	<b>163.011.987.950</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>175.372.675.506</b>	<b>163.011.987.950</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(332.627.325.961)	(344.988.013.517)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(344.988.013.517)	(262.106.657.913)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.360.687.556	(82.881.355.604)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.191.863.759.490</b>	<b>1.235.348.684.173</b>

  
Cao Thị Hải Yến  
Người lập

  
Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



  
Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc


Thái Nguyên, ngày 10 tháng 07 năm 2016





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	205.344.597.993	207.329.707.382
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	1.506.562.050
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		205.344.597.993	205.823.145.332
11	4. Giá vốn hàng bán	21	147.910.083.103	205.007.975.832
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.434.514.890	815.169.500
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	16.566.824	62.391.255
22	7. Chi phí tài chính	23	39.480.107.582	67.747.743.701
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		38.285.674.799	43.264.624.396
25	8. Chi phí bán hàng	24	545.878.719	1.224.214.524
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.356.831.459	3.928.141.131
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.068.263.954	(72.022.538.601)
31	11. Thu nhập khác	26	325.455.663	60.795.574
32	12. Chi phí khác	27	33.032.061	1.229.128.670
40	13. Lợi nhuận khác		292.423.602	(1.168.333.096)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.360.687.556	(73.190.871.697)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.360.687.556</u>	<u>(73.190.871.697)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	243	(1.441)

  
Cao Thị Hải Yến  
Người lập

  
Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

  
Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc



Thái Nguyên, ngày 10 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.360.687.556	(73.190.871.697)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.510.660.318	15.455.245.288
03	- Các khoản dự phòng		(2.903.624.664)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	14.545.667.896
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.566.824)	(62.391.255)
06	- Chi phí lãi vay		38.285.674.799	43.264.624.396
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		76.236.831.185	12.274.628
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(437.501.709)	(17.052.710.911)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.357.232.815	93.632.220.354
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		53.880.340.849	(34.370.197.320)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.982.889.619	(945.679.855)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(61.068.844.769)	(42.134.045.929)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		690.000	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		88.951.637.990	(858.139.033)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(38.507.580.465)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.566.824	62.391.255
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.566.824	(38.445.189.210)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		138.251.921.634	100.634.428.030
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(225.109.394.752)	(109.151.453.929)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(86.857.473.118)	(8.517.025.899)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.110.731.696	(47.820.354.142)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.850.406.333	53.189.945.110
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.961.138.029</u>	<u>5.369.590.968</u>

Cao Thị Hải Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 07 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép, phôi thép, quặng kim loại);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và dụng cụ khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất thép);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 30/06/2016, nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 407.086.636.387 đồng (tại 31/12/2015 là 450.262.484.720 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung và Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã ký kết các hợp đồng gia công thép thương hiệu TISCO với các điều khoản trong đó Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên sẽ cung cấp nguyên liệu chính, đồng thời bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất ra, do đó sẽ giảm áp lực về vốn lưu động để mua nguyên liệu và các chi phí sản xuất, đảm bảo khả năng hoạt động của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung trong năm 2016. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao của các tài sản cố định còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

05 - C  
TY  
HỮU HẠN  
KẾ TOÁN  
SC  
P. H. N.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.14 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.15 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



**2.16 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí lãi vay khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng.

**2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	164.739.226	68.904.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.796.398.803	2.781.501.901
	<b>4.961.138.029</b>	<b>2.850.406.333</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty CP sản xuất thép kết cấu và xây dựng Thành Trung	156.505.633	156.505.633
- Công ty TNHH Thương Mại và xây dựng Việt Thắng	37.775.320	37.775.320
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - NM Cán thép Lưu Xá	-	21.128.736.965
	<b>194.280.953</b>	<b>21.323.017.918</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	-	<b>21.128.736.965</b>
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.</i>		

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú	21.560.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	21.424.800	-	37.924.800	-
	<b>21.581.424.800</b>	<b>-</b>	<b>37.924.800</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	181.331.733	-	119.410.250	-
Phải thu về chi phí đầu tư dây truyền cán thép 50 vạn tấn/năm (*)	32.862.499.387	-	32.862.499.387	-
Phải thu khác	194.675.625	-	233.858.434	-
	<b>33.238.506.745</b>	<b>-</b>	<b>33.215.768.071</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản phải thu về chi phí đầu tư dây truyền cán thép 500.000 tấn/năm chưa được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản do không đủ hồ sơ năm 2014. Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng công nợ phải thu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2014 là 73,69 tỷ. Tại 30/06/2016, Công ty đã tập hợp hồ sơ là 40,80 tỷ, bao gồm phần tăng nguyên giá Tài sản cố định là 38,8 tỷ và thuế giá trị gia tăng đầu vào. Khoản chi phí 32,86 tỷ còn lại đang được Công ty tiếp tục tập hợp hồ sơ để ghi tăng tổng mức đầu tư ban đầu và sẽ ghi tăng bổ sung Nguyên giá tài sản cố định vào 6 tháng cuối năm 2016 theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	156.505.633	-	156.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<b>194.280.953</b>	<b>-</b>	<b>194.280.953</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.913.208.221	-	17.308.250.336	-
Công cụ, dụng cụ	66.999.044	-	237.588.348	-
Thành phẩm	4.445.092.100	(200.680.776)	18.236.693.496	(3.104.305.440)
	<b>17.425.299.365</b>	<b>(200.680.776)</b>	<b>35.782.532.180</b>	<b>(3.104.305.440)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	163.562.968.277	896.041.871.661	109.929.924.003	150.696.320	52.493.680.263	1.222.179.140.524
- Giảm do điều chỉnh giá trị quyết toán	-	-	(86.000.000)	-	-	(86.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>163.562.968.277</b>	<b>896.041.871.661</b>	<b>109.843.924.003</b>	<b>150.696.320</b>	<b>52.493.680.263</b>	<b>1.222.093.140.524</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.871.380.900	70.831.481.927	12.035.959.323	150.696.320	7.130.735.094	101.020.253.564
- Khấu hao trong kỳ	4.929.308.343	18.365.199.179	2.693.993.391	-	2.502.567.854	28.491.068.767
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.800.689.243</b>	<b>89.196.681.106</b>	<b>14.729.952.714</b>	<b>150.696.320</b>	<b>9.633.302.948</b>	<b>129.511.322.331</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	152.691.587.377	825.210.389.734	97.893.964.680	-	45.362.945.169	1.121.158.886.960
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>147.762.279.034</b>	<b>806.845.190.555</b>	<b>95.113.971.289</b>	<b>-</b>	<b>42.860.377.315</b>	<b>1.092.581.818.193</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.092.581.818.193 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.029.896.320 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Trong kỳ, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với tổng nguyên giá là 246.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2016 là 63.145.503 đồng, trong đó chi phí khấu hao trong kỳ là 19.591.551 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.686.214.788	899.070.910
Chi phí mua bảo hiểm	108.139.456	562.501.213
Chi phí biển quảng cáo	298.999.998	312.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	81.959.043	-
	<b>3.175.313.285</b>	<b>1.773.572.123</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.046.211.344	19.806.937.153
Chi phí chuyển giao công nghệ	1.871.714.916	2.495.619.888
	<b>18.917.926.260</b>	<b>22.302.557.041</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty CP TM&XD Quỳnh Minh	6.649.298.360	6.649.298.360	8.017.545.910	8.017.545.910
Công ty TNHH Đầu tư TM và xuất nhập khẩu Khang	3.316.304.678	3.316.304.678	522.358.246	522.358.246
Công ty CP Quốc tế Hưng Thái	3.310.129.829	3.310.129.829	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6.171.129.100	6.171.129.100	26.036.921.314	26.036.921.314
	<b>19.446.861.967</b>	<b>19.446.861.967</b>	<b>34.576.825.470</b>	<b>34.576.825.470</b>
<b>b) Phải trả các bên liên quan</b>	<b>41.022.592</b>	<b>41.022.592</b>	<b>30.755.146</b>	<b>30.755.146</b>
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34</i>				

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - NM Cán thép Lưu Xá	45.748.406.594	-
- Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú	21.290.000.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	2.579.929.019	2.935.250.994
	<b>69.618.335.613</b>	<b>2.935.250.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.363.787.172	11.406.751.965	11.824.078.080	-	946.461.057
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.050.000	6.350.000	5.550.000	-	1.850.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	163.918.086	163.918.086	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>1.364.837.172</b>	<b>11.580.020.051</b>	<b>11.996.546.166</b>	-	<b>948.311.057</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.979.250.672	2.307.772.948
- Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	2.457.679.000	491.330.000
- Chi phí phải trả khác	23.534.808	32.688.553
	<u><b>4.460.464.480</b></u>	<u><b>2.831.791.501</b></u>

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	75.962.400	26.905.409
- Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án	199.845.363.467	222.300.011.161
- Phải trả về lãi chậm thanh toán	6.921.844.739	6.019.082.486
- Phải trả Chi nhánh Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú về tiền đặt cọc hợp đồng đã thanh lý	1.180.753.475	115.989.569
- Phải trả Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - NM Cán thép Lưu Xá về lãi tiền gia công ứng trước	291.666.667	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.006.439	16.947.709
	<u><b>208.479.597.187</b></u>	<u><b>228.478.936.334</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	1.166.130.322
	<u><b>-</b></u>	<u><b>1.166.130.322</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (1)	148.936.174.216	148.936.174.216	138.251.921.634	165.109.394.752	122.078.701.098	122.078.701.098
- Nợ dài hạn đến hạn trả (2)	120.000.000.000	120.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
	<b>268.936.174.216</b>	<b>268.936.174.216</b>	<b>138.251.921.634</b>	<b>225.109.394.752</b>	<b>182.078.701.098</b>	<b>182.078.701.098</b>
<i>(1) Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn được thuyết minh tại phụ lục 1 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính</i>						
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn (2)	649.223.287.057	649.223.287.057	-	60.000.000.000	589.223.287.057	589.223.287.057
	<b>649.223.287.057</b>	<b>649.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>589.223.287.057</b>	<b>589.223.287.057</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>529.223.287.057</b>	<b>529.223.287.057</b>			<b>529.223.287.057</b>	<b>529.223.287.057</b>

*(2) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được thuyết minh tại phụ lục 2 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính*







**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
<b>d) Cổ phiếu</b>	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>a) Tài sản nhận giữ hộ</b>	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Phôi nhận gia công (tấn)	58.865	46.738
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	388,29	388,29
- Đồng Euro (EUR)	100,53	106,00
<b>20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	16.718.445.022	79.588.859.097
Doanh thu cung cấp dịch vụ	188.626.152.971	127.740.848.285
	<b>205.344.597.993</b>	<b>207.329.707.382</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>188.626.152.971</b>	<b>127.740.848.285</b>
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34</i>		
<b>21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18.968.385.650	94.593.082.357
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	131.845.322.117	109.718.581.820
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.903.624.664)	696.311.655
	<b>147.910.083.103</b>	<b>205.007.975.832</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16.566.824	62.391.255
	<b>16.566.824</b>	<b>62.391.255</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.285.674.799	43.264.624.396
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	14.545.667.896
Lãi tài khoản ký quỹ của khách hàng	-	1.292.874.309
Lãi trả chậm khách hàng	902.762.253	8.644.546.512
Lãi tiền gia công ứng trước	291.666.667	-
Chi phí tài chính khác	3.863	30.588
	<b>39.480.107.582</b>	<b>67.747.743.701</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.123.350	4.191.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.025.369	1.134.340.444
Chi phí khác bằng tiền	57.730.000	85.682.848
	<b>545.878.719</b>	<b>1.224.214.524</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.102.986	97.237.558
Chi phí nhân công	2.649.845.449	2.139.059.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	421.903.818	412.355.827
Thuế, phí, lệ phí	84.959.043	20.985.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.204.318.469	513.443.280
Chi phí khác bằng tiền	844.701.694	745.058.678
	<b>5.356.831.459</b>	<b>3.928.141.131</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Nhập phế liệu thu hồi từ kiểm kê	275.416.728	60.761.996
Thu nhập khác	50.038.935	33.578
	<b>325.455.663</b>	<b>60.795.574</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Các khoản phạt thuế	-	876.436.687
Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	352.691.983
Chi phí khác	33.032.061	-
	<b>33.032.061</b>	<b>1.229.128.670</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	12.360.687.556	(73.190.871.697)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.360.687.556	(73.190.871.697)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>243</b>	<b>(1.441)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.415.580.087	54.114.108.999
Chi phí nhân công	9.569.228.331	6.898.442.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.510.660.318	31.205.050.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.044.326.938	718.024.359
Chi phí khác bằng tiền	2.221.108.072	8.072.729.191
	<b>117.760.903.746</b>	<b>101.008.356.366</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.961.138.029	-	2.850.406.333	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.432.787.698	(194.280.953)	54.538.785.989	(194.280.953)
	<b>38.393.925.727</b>	<b>(194.280.953)</b>	<b>57.389.192.322</b>	<b>(194.280.953)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	711.301.988.155	798.159.461.273
Phải trả người bán, phải trả khác	227.926.459.154	264.221.892.126
Chi phí phải trả	4.460.464.480	2.831.791.501
	<b>943.688.911.789</b>	<b>1.065.213.144.900</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

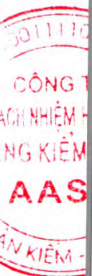
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.961.138.029	-	-	4.961.138.029
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.238.506.745	-	-	33.238.506.745
	<b>38.199.644.774</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.199.644.774</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.850.406.333	-	-	2.850.406.333
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.344.505.036	-	-	54.344.505.036
	<b>57.194.911.369</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>57.194.911.369</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	182.078.701.098	420.000.000.000	109.223.287.057	711.301.988.155
Phải trả người bán, phải trả khác	227.926.459.154	-	-	227.926.459.154
Chi phí phải trả	4.460.464.480	-	-	4.460.464.480
	<b>414.465.624.732</b>	<b>420.000.000.000</b>	<b>109.223.287.057</b>	<b>943.688.911.789</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	268.936.174.216	480.000.000.000	49.223.287.057	798.159.461.273
Phải trả người bán, phải trả khác	263.055.761.804	1.166.130.322	-	264.221.892.126
Chi phí phải trả	2.831.791.501	-	-	2.831.791.501
	<b>534.823.727.521</b>	<b>481.166.130.322</b>	<b>49.223.287.057</b>	<b>1.065.213.144.900</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ			
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	138.251.921.634		100.634.428.030
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ			
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	225.109.394.752		109.151.453.929

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Trong kỳ, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		<b>188.626.152.971</b>	<b>127.740.848.285</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	188.626.152.971	127.740.848.285
<b>Mua hàng</b>		<b>531.049.817</b>	<b>436.947.468</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	531.049.817	436.947.468
<b>Lãi tiền gia công ứng trước</b>		<b>291.666.667</b>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	291.666.667	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	<b>21.128.736.965</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	-	21.128.736.965
<b>Phải thu khác</b>		<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	60.000.000	60.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>41.022.592</b>	<b>30.755.146</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	41.022.592	30.755.146
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>45.748.406.594</b>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	45.748.406.594	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>291.666.667</b>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	291.666.667	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THẬP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	551.510.000	1.057.500.000

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 chưa được kiểm toán.



**Cao Thị Hải Yến**  
Người lập



**Nguyễn Thị Minh Châu**  
Kế toán trưởng



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 07 năm 2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**PHỤ LỤC 1 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên

STT	Số hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	36/2015/2573181/HĐ	8,8%	9 tháng	2.800.352.225	2.800.352.225	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, tạm ứng lương T10/2015	Tín chấp
2	06/2016/2573181/HĐTD	8,8%	5 tháng	4.151.365.512	4.151.365.512	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, thi công lắp đặt tường lưng chống hắt nước	Tín chấp
3	07/2016/2573181/HĐTD	8,8%	5 tháng	3.082.298.738	3.082.298.738	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mỡ multis, tiền gia công dẫn đỡ, tiền lương thù lao HĐQT tháng 1/2016	Tín chấp
4	08/2016/2573181/HĐTD	8,8%	5 tháng	10.504.910.482	10.504.910.482	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, tiền BHXH tháng 2/2016, tiền điện tháng 2/2016, mua trục carbide	Tín chấp
5	09/2016/2573181/HĐTD	8,8%	5 tháng	3.911.683.875	3.911.683.875	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mua dây đai thép	Tín chấp
6	10/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	1.601.265.170	1.601.265.170	Thanh toán tiền lương, thù lao HĐQT tháng 2/2016	Tín chấp
7	11/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	1.772.301.052	1.772.301.052	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư	Tín chấp
8	12/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	1.052.251.348	1.052.251.348	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mua máy quét mã vạch	Tín chấp
9	13/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	8.889.241.963	8.889.241.963	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mỡ multis, dầu thủy lực, tiền BHXH tháng 3/2016, tiền điện tháng 3/2016	Tín chấp
10	14/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	2.754.185.668	2.754.185.668	Thanh toán tiền mua dầu FO	Tín chấp
11	15/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	2.644.272.158	2.644.272.158	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mỡ multis, dầu thủy lực	Tín chấp
12	16/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	1.455.274.797	1.455.274.797	Thanh toán tiền lương, thù lao HĐQT tháng 3/2016	Tín chấp
13	17/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	2.122.000.626	2.122.000.626	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mua máy bơm	Tín chấp
14	18/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	8.353.366.558	8.353.366.558	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, vòng bi, mỡ total, BHXH tháng 4/2016, tiền điện tháng 4/2016	Tín chấp
15	19/2016/2573181/HĐTD	9,2%	9 tháng	2.930.612.722	2.930.612.722	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư	Tín chấp
16	20/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	6.197.381.849	6.197.381.849	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mỡ total	Tín chấp
17	21/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	1.515.084.305	1.515.084.305	Thanh toán tiền lương, thù lao HĐQT tháng 4/2016	Tín chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**PHỤ LỤC 1 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên

STT	Số hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
18	22/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	1.703.227.308	1.703.227.308	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mua ốc quy	Tín chấp
19	23/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	2.830.635.938	2.830.635.938	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, mỡ total	Tín chấp
20	24/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	6.253.389.593	6.253.389.593	Thanh toán tiền BHXH tháng 5/2016, tiền điện tháng 5/2016	Tín chấp
21	25/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	1.759.671.000	1.759.671.000	Thanh toán tiền dầu FO	Tín chấp
22	26/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	1.247.399.330	1.247.399.330	Thanh toán tiền dầu FO	Tín chấp
23	27/2016/2573181/HĐTD	9,0%	9 tháng	3.684.840.915	3.684.840.915	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, tạm ứng HĐ du lịch hè, thanh toán lương, thù lao BKS tháng 5/2016	Tín chấp
24	28/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	1.614.316.461	1.614.316.461	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư	Tín chấp
25	29/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	1.941.501.200	1.941.501.200	Thanh toán tiền dầu Fo, mua thực phẩm ăn ca T5/2016	Tín chấp
26	30/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	5.225.072.016	5.225.072.016	Thanh toán tiền mua dầu FO, mua vật tư, tiền phôi thép, thép phế, tiền BHXH tháng 6/2016, tiền điện tháng 6/2016	Tín chấp
27	31/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	8.520.798.289	8.520.798.289	Thanh toán tiền phôi thép HĐ phôi 110 ngày 06/10/2014	Tín chấp
28	32/2016/2573181/HĐTD	8,7%	9 tháng	21.560.000.000	21.560.000.000	Thanh toán 70% HĐ mua bán phôi thép ngày 24/06	Tín chấp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>122.078.701.098</b>	<b>122.078.701.098</b>		<b>Tín chấp</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN**

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Số dư đến hạn trả trong năm 2016	Phương thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên</b>				<b>256.724.576.994</b>	<b>26.141.999.216</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	256.724.576.994	26.141.999.216	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang</b>				<b>116.018.068.424</b>	<b>11.814.000.274</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	116.018.068.424	11.814.000.274	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)</b>				<b>77.306.097.397</b>	<b>7.872.000.183</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	77.306.097.397	7.872.000.183	Tài sản thế chấp
<b>Ngân Hàng NN&amp;PT Nông thôn CN Thái Nguyên</b>				<b>61.868.446.847</b>	<b>6.300.000.146</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	61.868.446.847	6.300.000.146	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)</b>				<b>38.653.048.698</b>	<b>3.936.000.091</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	38.653.048.698	3.936.000.091	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên</b>				<b>38.653.048.698</b>	<b>3.936.000.091</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	132	10,30%	38.653.048.698	3.936.000.091	Tài sản thế chấp
<b>Tổng cộng</b>				<b>589.223.287.057</b>	<b>60.000.000.000</b>	